

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

NHẬN DIỆN ĐẶC ĐIỂM VÀ XÁC LẬP HỆ THỐNG QUAN HỆ TỪ PHỤ THUỘC TRONG TIẾNG VIỆT

LA THỊ MỸ QUỲNH*

TÓM TẮT: Bàn về nhận diện đặc điểm và xác lập hệ thống quan hệ từ phụ thuộc trong tiếng Việt, bài viết đã tập trung làm sáng rõ đặc điểm nhận diện của quan hệ từ phụ thuộc tiếng Việt trên ba tiêu chuẩn: ý nghĩa khái quát, khả năng kết hợp trong cụm từ và khả năng đảm nhiệm các chức vụ cú pháp trong câu. Từ đó, đưa ra được bốn đặc điểm cơ bản của quan hệ từ phụ thuộc trong tiếng Việt. Trên cơ sở đó, bài viết đã xác lập được hệ thống quan hệ từ phụ thuộc trong tiếng Việt gồm 103 từ kèm theo các ví dụ minh họa. Kết quả nghiên cứu của bài viết là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho người dạy và người học khi nghiên cứu về quan hệ từ tiếng Việt nói chung và quan hệ từ phụ thuộc nói riêng. Kết quả nghiên cứu cũng cung cấp nguồn tư liệu cho công tác biên soạn từ điển tiếng Việt.

TỪ KHÓA: quan hệ từ phụ thuộc; đặc điểm nhận diện; hệ thống; ý nghĩa khái quát; khả năng kết hợp.

NHẬN BÀI: 10/04/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 01/07/2023

1. Mở đầu

Quan hệ từ phụ thuộc (QHTPT), còn được gọi là quan hệ từ chính phụ, giới từ (như *của, để, bằng, vì, do, bởi, tại,...*), là một tiểu loại của quan hệ từ (QHT) tiếng Việt. Tiểu loại này tuy có số lượng không nhiều nhưng lại có vai trò rất quan trọng trong ngữ pháp tiếng Việt. Vì thế, QHTPT đã được các nhà ngữ pháp học quan tâm, tìm hiểu từ khá sớm. Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở việc đưa ra cái nhìn khái quát về vai trò ngữ pháp tiêu biểu của tiểu loại này. Việc nhận diện đặc điểm và xác lập hệ thống danh sách QHTPT trong tiếng Việt vẫn còn đang bỏ ngỏ, nhất là trong tiếng Việt, hiện tượng chuyển loại từ diễn ra khá phổ biến nên việc phân biệt chi tiết đặc điểm của từ loại này trong tương quan với từ loại khác là rất cần thiết. Theo đó, bài viết này sẽ đi làm rõ các tiêu chuẩn nhận diện QHTPT và xác lập hệ thống danh sách QHTPT trong tiếng Việt. Thiết nghĩ, việc xác lập được hệ thống QHTPT trong tiếng Việt sẽ góp phần quan trọng cho hoạt động học tập, nghiên cứu của học sinh, sinh viên, giáo viên về QHT tiếng Việt nói chung và QHTPT nói riêng và là tư liệu hữu ích cho công tác biên soạn từ điển tiếng Việt. Đề lấy các ví dụ minh họa về các QHTPT, chúng tôi đã trích dẫn các ngữ liệu trong một số tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại của các nhà văn có uy tín. Đây là nguồn ngữ liệu đáng tin cậy để chúng tôi thực hiện đề tài này.

2. Nhận diện đặc điểm của quan hệ từ phụ thuộc trong tiếng Việt

Cho đến nay, các tiêu chuẩn phân định từ loại tiếng Việt gần như đã được nhất quán trong giới nghiên cứu ngôn ngữ. Cụ thể, việc nhận diện các từ loại tiếng Việt dựa vào ba tiêu chuẩn: *ý nghĩa khái quát, khả năng kết hợp trong cụm từ và khả năng đảm nhiệm các chức vụ cú pháp trong câu*. QHTPT là một tiểu loại của QHT, cho nên ngoài những đặc trưng riêng, QHTPT còn mang những đặc điểm chung của QHT. Mặt khác, trên thực tế, một số lượng không nhỏ QHTPT tiếng Việt có nguồn gốc từ các loại thực từ (danh từ, động từ) đã trải qua quá trình ngữ pháp hóa mà thành. Vì vậy, chúng tôi sẽ chú ý đến tất cả những vấn đề này khi đưa ra đặc điểm nhận diện QHTPT tiếng Việt. Dưới đây là các đặc điểm nhận diện QHTPT:

2.1. Về ý nghĩa khái quát

Giống với hư từ tiếng Việt nói chung, QHT nói riêng, QHTPT tiếng Việt là những từ không có ý nghĩa từ vựng chân thực. Chúng thường chỉ có ý nghĩa ngữ pháp, đó là ý nghĩa quan hệ. Nói cụ thể, QHTPT là những từ biểu thị quan hệ ngữ pháp chính phụ giữa các yếu tố ngôn ngữ mà nó tham gia kết nối. Ví dụ:

(1) *Cái xe ta sống là xứ sở của xe máy.* {26, tr.43}

* TS; Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên; Email: quynhdkh883@gmail.com

Trong ví dụ (1), QHTPT của diễn đạt quan hệ ngữ pháp chính phụ giữa thành tố chính (*xứ sở*) với thành tố phụ (*xe máy*) trong cụm danh từ (*xứ sở của xe máy*). Hai thành tố mà QHTPT của kết nối không thể hoán đổi vị trí cho nhau được. Vì nếu đổi vị trí cho nhau, các thành phần trong câu sẽ không tương hợp về quan hệ ngữ pháp và quan hệ ngữ nghĩa. Cụ thể:

- *Cái xứ ta sống là xe máy của xứ sở.* (-)

Từ ý nghĩa ngữ pháp này, có thể phân biệt QHTPT với quan hệ từ bình đẳng (QHTBD) trong tiếng Việt. Cả QHTPT và QHTBD đều diễn đạt quan hệ ngữ pháp, nhưng QHTPT diễn đạt quan hệ ngữ pháp chính phụ, còn QHTBD diễn đạt quan hệ ngữ pháp đẳng lập, ngang nhau. Ví dụ:

(2) *Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng.* {13, tr.4}

Trong ví dụ (2), QHTBD và xuất hiện ở giữa hai yếu tố ngôn ngữ (*dài và uốn cong*) để thể hiện quan hệ ngữ pháp ngang nhau giữa hai yếu tố đó. Có thể hoán đổi vị trí của hai yếu tố trên mà không ảnh hưởng đến cấu trúc ngữ nghĩa và ngữ pháp của câu. Cụ thể:

- *Sợi râu tôi uốn cong và dài một vẻ rất đỗi hùng dũng.* (+)

Từ ý nghĩa khái quát của QHTPT, cũng cần chú ý đến những QHT tiếng Việt vừa biểu thị quan hệ bình đẳng vừa biểu thị quan hệ chính phụ, như: *với, cùng, vì, do, bởi, tại, nên, thì, ...* Xem xét các ví dụ dưới đây:

(3) *Hướng chi A Sứ với (1) Mị không có lòng với (2) nhau mà vẫn phải ở với (3) nhau.* {27, tr.392}

Trong ví dụ (3), QHT với xuất hiện ba lần nhưng có tư cách khác nhau, với (1) là QHTBD còn với (2), với (3) là QHTPT. Bởi vì với (1) diễn đạt quan hệ bình đẳng giữa hai yếu tố đồng vị, đồng chức vụ chủ ngữ (*A Sứ, Mị*) trong câu. Có thể hoán đổi vị trí giữa hai yếu tố này mà không ảnh hưởng đến cấu trúc và ngữ nghĩa của câu. Mặt khác, có thể thay thế với (1) bằng QHTBD và mà câu vẫn không thay đổi về cấu trúc và ngữ nghĩa. Còn với (2), với (3) biểu thị quan hệ chính phụ giữa yếu tố chính đảm nhiệm vai trò vị ngữ (*có lòng, ở*) với yếu tố phụ đảm nhiệm vai trò bổ ngữ (*nhau*). Các yếu tố chính, phụ mà QHTPT với (2) và với (3) kết nối không thể hoán đổi vị trí cho nhau được. Mặt khác cũng không thể thay thế với (2), với (3) bằng QHTBD và được. Cụ thể:

- *Hướng chi, A Sứ và (+) Mị, không có lòng và (-) nhau mà vẫn phải ở và (-) nhau.* (-)

Như vậy, QHTPT với vừa có tư cách là QHTPT vừa có tư cách là QHTBD.

Trên đây là trường hợp QHT với, dưới đây chúng tôi xem xét thêm trường hợp QHT thì trong các VD sau:

(4) *Anh đi thì tôi đi.* {5, tr.211}

(5) *Tôi thì tôi không ngại học tiếng Việt.* {KN}

(6) *Bông hoa này thì rất thơm.* {KN}

Trong ba ví dụ trên, chúng tôi xếp QHT thì ở câu (4), (5) là QHTPT. Bởi vì trong VD (4), QHT thì được sử dụng để kết nối và biểu thị quan hệ chính phụ (phụ thuộc) giữa hai vế của câu ghép nguyên nhân - hệ quả. Trong VD (5), QHT thì kết nối và biểu thị quan hệ chính phụ trong câu đơn có thành phần phụ (đề ngữ - *Tôi*) và nòng cốt câu (*tôi/ không ngại học tiếng Việt*). Còn trong ví dụ (6), thì là QHTBD, kết nối và phân giới hai thành phần chính CN (*Bông hoa này*) và VN (*rất thơm*) trong câu đơn.

Với những trường hợp trên, có tác giả quan niệm đây là những QHT có tính chất trung gian giữa QHTBD và QHTPT. Tác giả Đinh Văn Đức gọi chúng là các “liên - giới từ” [2015, tr.212]. Với những trường hợp QHT có tính chất trung gian như trên, quan điểm của chúng tôi là vẫn xếp chúng vào danh sách QHTPT tiếng Việt trong trường hợp chúng biểu thị quan hệ ngữ pháp chính phụ.

Vì QHTPT là những từ không có ý nghĩa từ vựng nên có thể phân biệt tiêu loại này với các thực từ: danh từ và động từ - những từ loại có ý nghĩa từ vựng chân thực, đặc biệt là những trường hợp QHTPT đã được ngữ pháp hóa từ các danh từ, động từ, như *của, để, bằng, ra, vào, lên, xuống, trong, ngoài, trên, dưới, ...* So sánh ý nghĩa khái quát của các từ *của, trong, ngoài, với, để, ra, vào* trong các ví dụ dưới đây:

Câu chứa <i>của, trong, ngoài, với, để, ra, vào</i> là danh từ, động từ	Câu chứa <i>của, trong, ngoài, với, để, ra, vào</i> là QHTPT
---	--

(7) <u>Nhà bà ấy chắc hẳn có nhiều cửa chầm của nổi lấm.</u> {KN} * cửa là danh từ, chỉ vật.	(8) <u>Cái lí của anh gian lắm!</u> {23, tr.45} * của là QHTPT biểu thị quan hệ sở thuộc giữa thành tố chính (<i>cái lí</i>) với thành tố phụ (<i>anh</i>) của cụm danh từ (<i>Cái lí của anh</i>)
(9) <u>Anh ở trong này chưa thấy mùa đông. Nắng vẫn đỏ, mận hồng đào cuối vụ (...) Nên cứ muốn chia nắng đều cho ngoài ấy. Có tình thương tha thiết ở trong này.</u> {Gửi nắng cho em - Bùi Văn Dung} * trong, ngoài là danh từ, chỉ nơi chốn.	(10) <u>Trong những ngày ở nhà di Sáu, ban trưa tôi thường mắc võng giữa hai cây khế này nằm đọc sách.</u> {9, tr.8} (11) <u>Ngoài sân, những cành phượng vẫn đỏ chói chang.</u> {9, tr.143} * trong, ngoài là QHTPT, biểu thị quan hệ chính phụ của các thành phần câu: thành phần phụ trạng ngữ với nòng cốt câu.
(12) <u>Hoàng với quả ổi trên cây.</u> {KN} * với là động từ, chỉ hành động.	(13) <u>Mảnh đất này gần bó với ông tưa như xương thịt rồi.</u> {17, tr.81} * với là QHTPT diễn đạt quan hệ liên đới trong câu.
(14) <u>Cô ấy để quyển sách lên bàn.</u> {KN} * để là động từ, chỉ hành động.	(15) - <u>Lay các quan, con trót dai có làm ít tương để ăn.</u> {24, tr.44} * để là QHTPT, biểu thị quan hệ mục đích của sự việc được nêu trong câu “ <i>làm ít tương</i> ”.
(16) <u>Tôi ra Hà Nội từ tuần trước. Ngày mai, tôi lại vào Sài Gòn.</u> {KN} * ra, vào là động từ, chỉ hoạt động di chuyển có hướng.	(17) <u>Thế là cả bọn kéo nhau ra chỗ sân quần.</u> {21, tr.105} (ra là QHTPT biểu thị quan hệ đích đến của hành động được nêu trong câu) (18) <u>Vợ tôi đã cất hết tiền vào két sắt.</u> {KN} * vào chỉ quan hệ hướng đích của hành động được nêu trong câu.

Như vậy, khi là thực từ (danh từ, động từ), *của, trong, ngoài, với, để, ra, vào* có ý nghĩa định danh, dùng để gọi tên một sự vật, một hành động nào đó ngoài hiện thực khách quan được phản ánh trong câu. Còn khi là QHTPT, các từ này đã trải qua quá trình ngữ pháp hóa, biến đổi về ý nghĩa khái quát, chuyển từ ý nghĩa định danh sang ý nghĩa quan hệ, mà giữa hai loại ý nghĩa này vẫn có sự liên quan với nhau. Và quá trình ngữ pháp hóa các thực từ này chưa thực sự hoàn tất, cho nên hiện nay, các từ trên và nhiều từ khác vẫn được dùng với hai tư cách. Trong những ngữ cảnh nhất định, chúng có thể là thực từ (danh từ, động từ) hoặc có thể là QHTPT. Điều này đã dẫn tới hiện tượng đa từ loại trong tiếng Việt (cùng một hình thức ngữ âm nhưng lúc thì trong tư cách từ loại này, lúc lại trong tư cách từ loại khác). Do đó, danh sách QHTPT tiếng Việt mà chúng tôi đề xuất sẽ có các QHTPT mang hình thức ngữ âm giống các thực từ.

Tuy nhiên, trong tiếng Việt, cũng có trường hợp động từ đã trải qua quá trình ngữ pháp hóa hoàn toàn, mất hết ý nghĩa thực, hiện nay chỉ được dùng với ý nghĩa quan hệ. Đó là trường hợp QHTPT **rằng**. Từ **rằng** vốn là một động từ chỉ hoạt động nói năng: “*Vân rằng “chị cũng nực cười.”*” (Truyện Kiều). Nhưng đến nay, **rằng** chỉ được dùng với tư cách QHTPT “*biểu thị điều sắp nêu ra là nội dung thuyết minh điều vừa nói đến*” [Hoàng Phê, 2004, tr.824] thường đi sau các động từ nói năng, nhận thức, suy nghĩ. Ví dụ:

(19) *Tờ tin chắc rằng (QHTPT) đội tuyển Việt Nam sẽ vô địch Seagame.* {KN}

Vì vậy, **rằng** cũng có mặt trong hệ thống QHTPT của chúng tôi.

Đặc điểm về ý nghĩa khái quát của QHTPT còn giúp phân biệt QHTPT với phụ từ (phó từ) *đã, sẽ, đang, rất, lắm, quá,...* trong tiếng Việt. Như các ví dụ trên đã phân tích, QHTPT không có ý nghĩa từ vựng chỉ có ý nghĩa ngữ pháp, biểu thị quan hệ chính phụ. Các phụ từ tiếng Việt cũng là những hư từ, giống với QHTPT, không có ý nghĩa từ vựng, nhưng chúng không biểu thị ý nghĩa quan hệ mà chúng biểu thị ý nghĩa tình thái về thời thể (*đã, mới, sẽ, đang*), mức độ (*rất, lắm, quá,...*). QHTPT tiếng Việt không biểu thị loại ý nghĩa này. Ví dụ:

(20) Cô ấy **đã** đi công tác rồi. {KN} (**đã** biểu thị ý nghĩa thời thể)

(21) Vườn này nhiều hoa **quá**. {KN} (**quá** biểu thị ý nghĩa tình thái đánh giá mức độ rất nhiều của người nói)

(22) Đôi mắt cô ấy **rất** đẹp. {KN} (**rất** biểu thị ý nghĩa chỉ mức độ trên chuẩn đẹp (*rất đẹp*) của đôi mắt).

2.2. Về khả năng kết hợp

QHTPT tiếng Việt thường không có khả năng đảm nhận vai trò thành tố chính hay thành tố phụ của cụm từ chính phụ. Chúng là yếu tố kết nối thành tố phụ với thành tố chính trong cấu tạo cụm chính phụ. Ví dụ:

(23) Họ **đã đánh cờ bằng miệng** (...) {23, tr.83} (QHTPT **bằng** kết nối thành tố phụ chỉ cách thức “*miệng*” với thành tố trung tâm “*đánh*” của cụm động từ “*đánh cờ bằng miệng*”)

Từ đặc điểm về khả năng kết hợp này của QHTPT, có thể phân biệt QHTPT với các phụ từ *đã, sẽ, đang, rất, lắm,...* trong tiếng Việt. Ví dụ:

(24) Khi Nhạn dẫn tôi đến, anh Thoảng và thằng Thế **đã** đợi sẵn **ngoài** vườn chuối. {9, tr.67} (phụ từ **đã** là thành tố phụ, bổ sung nghĩa về thời thể cho động từ trung tâm (*đợi*), gắn chặt với động từ trung tâm, còn QHTPT **ngoài** nối kết phần phụ chỉ địa điểm (*vườn chuối*) với động từ trung tâm).

Như vậy, phụ từ có thể đảm nhiệm thành tố phụ, bổ sung một ý nghĩa nào đó cho thành tố trung tâm như *thời, thể, số,...* trong cấu trúc cụm từ, còn QHTPT không có khả năng này. Hơn nữa, phụ từ có thể xuất hiện trước hoặc sau thành tố trung tâm và chỉ có mối quan hệ một chiều với thành phần trung tâm thì vị trí của QHTPT luôn ở giữa thành tố phụ với thành tố trung tâm để kết nối và diễn đạt quan hệ chính phụ trong cấu trúc cụm từ.

Từ sự phân biệt này, các từ chỉ vị trí, các từ chỉ hướng *trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, ra, vào, lên, xuống, đến, tới,...* trong các cấu trúc dưới đây sẽ là phụ từ, không phải là QHTPT. Ví dụ:

(25) **Quan Tổng đốc nói trước**:

- Những người sắp bị hành hình kia là *đur* đảng giặc Bã Sậy. {24, tr.35} (*trước* là phụ từ, bổ sung ý nghĩa về thứ tự cho động từ trung tâm *nói*)

(26) Ông lại **xách cổ lên** bây giờ! {21, tr.23} (*lên* là phụ từ, bổ sung ý nghĩa về hướng của động từ trung tâm *xách*)

Khả năng kết hợp của QHTPT cũng giúp phân biệt QHTPT với danh từ tiếng Việt. Ví dụ:

(27) Những **cửa** ấy rất giá trị. {KN} (**cửa** là danh từ)

Trong ví dụ (27), *cửa* là một danh từ và có nghĩa định danh, chỉ *đồ vật, tài sản* và đảm nhận thành phần chính trong cụm danh từ (*những cửa ấy*). Với tư cách là danh từ, *cửa* có thể kết hợp với từ chỉ lượng (*những, các, mọi,...*) ở phía trước và kết hợp với từ chỉ định (*này, kia, ấy, nọ,...*) ở phía sau để bổ sung các ý nghĩa cho *cửa*.

- Những/các/mọi cửa *này/kia/ấy* rất giá trị. (+)

(28) Văn ngọp thờ vì cái mùi thành thị quen thuộc **của** nước hoa, **của** son, **của** phấn, **của** khói thuốc lá, **của** những hơi thở gấp, **của** sự chen chúc, xô đẩy nhau... {25, tr.24} (**của** là QHTPT).

Trong ví dụ (28), *của* xuất hiện 6 lần đều là những QHTPT để thực hiện chức năng kết nối và biểu thị quan hệ ngữ pháp chính phụ giữa hai yếu tố chính (*mùi thành thị quen thuộc*) - phụ (*nước hoa, son, phấn, khói thuốc lá, những hơi thở gấp, sự chen chúc, xô đẩy nhau*) của cụm danh từ. Trong trường hợp này, bản thân *của* không thể làm thành phần chính, hay phụ trong cụm danh từ. Đồng thời, *của* không thể kết hợp với các phụ từ *những, các, mọi, này, kia, ấy, nọ,...* ở trước hoặc sau nó. Không thể nói hoặc viết:

- Văn ngọp thờ vì cái mùi thành thị quen thuộc **những** của *ấy* nước hoa, **cái** của *này* son, **của** phấn, **của** khói thuốc lá, **của** những hơi thở gấp, **của** sự chen chúc, xô đẩy nhau... (-).

Như vậy, về khả năng kết hợp, QHTPT thường không có khả năng đảm nhiệm thành tố chính hay thành tố phụ trong cấu tạo cụm từ chính phụ. Nhưng trong thực tế sử dụng tiếng Việt và kết quả khảo sát ngữ liệu cho thấy nếu một trong số các QHTPT *của, để, bằng, vì, do, bởi, tại, như, trong, dưới, trên, ngoài,...* xuất hiện trong cụm chính phụ đảm nhiệm vai trò vị ngữ (VN) của loại câu quan hệ

tiếng Việt thì tình hình lại khác. Khi đó, các QHTPT này có thể đảm nhiệm thành tố chính của cụm từ, còn trong phạm vi câu, nó sẽ là trung tâm VN. Ví dụ:

(29) *Cái bàn này / để làm việc.* {KN}
CN VN

(30) *Cái bút này / của tôi.* {KN}
CN VN

Trong hai ví dụ trên, *để, của* là QHTPT đảm nhiệm thành tố chính trong cụm từ (*để làm việc; của tôi*) đồng thời cũng là VN của câu. Khả năng này là nét đặc thù riêng của QHTPT tiếng Việt và sẽ được chúng tôi lí giải cụ thể hơn trong mục dưới đây.

2.3. Về khả năng đảm nhiệm các chức vụ cú pháp

Theo quan điểm của ngữ pháp truyền thống, QHTPT thường không thể độc lập đảm nhận vai trò thành phần chính, thành phần phụ trong cấu tạo cụm từ, câu. Nhưng theo cách nhìn nhận của ngữ pháp chức năng thì không hoàn toàn như vậy. Một số kết quả nghiên cứu câu tiếng Việt theo đường hướng ngữ pháp chức năng đã chỉ ra các QHTPT như *của, để, bằng, vì, do, bởi, tại, trên, dưới, trong, ngoài,...* vẫn có khả năng đảm nhiệm vai trò VN trong câu. Cụ thể, tác giả Diệp Quang Ban trong [2009, tr.123-166], đã coi các câu dưới đây là câu có VN (tác giả gọi là vị tố) do các QHTPT (tác giả gọi là từ chỉ quan hệ không dùng độc lập) đảm nhiệm.

(31) *Cái áo này/ bằng lụa tơ tằm.* {2, tr.139}

(32) *Việc này/ tại Bình.* {2, tr.143}

(33) *Hàng này/ do hãng X sản xuất.* {2, tr.145}

(34) *Cái bàn này/ để uống nước.* {2, tr.149}

(35) *Ông tôi/ ngoài sân.* {2, tr.152}

(36) *Thân em/ như củ ấu gai.* {Ca dao}

Sau tác giả Diệp Quang Ban, tác giả Lê Thị Lan Anh (2014) đã gọi các câu trên là các câu quan hệ tiếng Việt, trong đó VN của câu đại đa số là do QHTPT đảm nhiệm. Hai tác giả đều lí giải QHTPT trong các câu trên đã đảm nhiệm thành phần VN bởi vì chúng đóng vai trò chính cả về phương diện nghĩa và phương diện cú pháp. Chúng tôi tán đồng với quan điểm của các tác giả trên, ghi nhận QHTPT tiếng Việt có khả năng đảm nhiệm vai trò VN trong câu mà cụ thể là ở trường hợp câu quan hệ tiếng Việt. Bởi vì, thứ nhất, VN trong câu quan hệ biểu thị một sự liên quan, một mối quan hệ nào đó giữa hai hay nhiều thực thể. Do đó, về mặt ngữ nghĩa, một từ nào đó muốn trở thành VN trong câu quan hệ thì bản thân nó phải bao hàm nét nghĩa quan hệ. QHTPT tiếng Việt tự thân cũng đã có nét nghĩa quan hệ. Thứ hai, giống các từ loại khác khi đảm nhiệm vai trò VN, QHTPT đảm nhiệm vai trò VN cũng có thể kết hợp với các loại phụ từ ở phía trước nó. Cụ thể, có thể nói hoặc viết:

- *Việc này cũng tại Bình.* (+)

- *Ông tôi đang ngoài sân.* (+)

Thứ ba, với vai trò VN trong câu quan hệ, QHTPT sẽ đóng vai trò chính cả về phương diện nghĩa và phương diện cú pháp. Chẳng hạn xem xét VD (35), *ông tôi* và *sân* là hai tham thể được ấn định bởi QHTPT chỉ vị trí *ngoài* và làm rõ nghĩa cho nó. Như vậy, *ngoài* là yếu tố chính về mặt nghĩa. Về ngữ pháp, *ngoài* cũng trong vai trò yếu tố trung tâm chi phối chủ ngữ (*ông tôi*) và bổ ngữ (*sân*). Như vậy, QHTPT *ngoài* đóng vai trò chính cả về mặt nghĩa và mặt ngữ pháp của câu nên *ngoài* là VN của câu.

Ngoài hai tác giả trên, tác giả Bùi Minh Toán trong [2017, tr.189] cũng nhận định việc quan niệm trong kiểu câu quan hệ tiếng Việt, QHTPT đóng vai trò VN trong cấu trúc cú pháp và đóng vai trò vị tố trong cấu trúc nghĩa miêu tả không có gì mâu thuẫn với bản chất của phạm trù hư từ (hư từ thường được nhấn mạnh về đặc trưng không thể là thành tố chính trong cấu tạo cụm từ, câu). Thực chất ở trường hợp câu quan hệ, thành tố chính cả về mặt nghĩa và mặt ngữ pháp không chỉ có VN. Bởi vì câu quan hệ lúc nào cũng đòi hỏi sự xuất hiện của hai thành phần ngữ pháp cơ sở do vị ngữ ấn định: CN và bổ ngữ. Cho nên, vai trò định (chính) của QHTPT trong câu đã được san sẻ cho cả ba: VN, CN và bổ ngữ. Hơn nữa, như đã biết, các QHTPT có khả năng đảm nhiệm vai trò VN trong câu phần lớn là do thực từ (danh từ, động từ) đã trải qua quá trình ngữ pháp hóa mà thành. Sự ngữ pháp hóa

này có thể thuộc loại chưa hoàn tất, chưa tuyệt đối. Cho nên, có trường hợp QHTPT vừa mang đặc điểm của hư từ (không có ý nghĩa từ vựng chân thực) lại vừa mang đặc điểm của thực từ (có thể đảm nhiệm vai trò VN trong cấu trúc cú pháp hay là vai trò vị tổ - lõi của sự tình trong cấu trúc nghĩa, và có thể kết hợp được với một số phụ từ *cũng, vẫn, đang*). Bởi vậy, khả năng đảm nhiệm vai trò VN trong câu quan hệ hay khả năng đảm nhiệm vai trò vị tổ trong sự tình quan hệ được xem như là hệ quả của quá trình ngữ pháp hóa các thực từ.

Xét trong quan hệ với các hư từ khác, có thể thấy khả năng đảm nhiệm vai trò VN trong câu quan hệ tiếng Việt là đặc điểm riêng chỉ có ở QHTPT mà thôi. Các hư từ khác và ngay cả QHTBĐ đều không có khả năng này.

Ngoài ra, kết quả khảo sát ngữ liệu cũng cho thấy, QHTPT tiếng Việt còn có thể đảm nhận thành phần câu *liên ngữ*, thành phần biệt lập trong câu. Ví dụ:

(37) Ông Xuân ra làm nghị viên, mục đích chỉ để nối nghiệp nhà. **Bởi vì** cụ thân sinh trước kia cũng làm nghị viên. {14, tr.377}

(38) Lương Thi thì ít lắm, dư dả bao nhiêu. **Vì vậy** mà Thi xin đổi ra Rạch Ráng dạy trường huyện. {25, tr.43}

Trong hai ví dụ trên, QHTPT *bởi vì*, tổ hợp QHT *vì vậy* đảm nhiệm vai trò liên ngữ, kết nối ý của câu sau với ý của câu trước. Và khi đặt các câu này trong văn bản, QHTPT còn được hiểu là phương tiện thể hiện phép liên kết hình thức: *phép nối* trong văn bản. Đối với chức năng cú pháp này, cả QHTPT và QHTBĐ trong tiếng Việt đều có thể đảm nhận.

Từ kết quả nghiên cứu đặc điểm nhận diện QHTPT trong tiếng Việt dựa vào ba tiêu chuẩn về ý nghĩa khái quát, khả năng kết hợp, khả năng đảm nhiệm các chức vụ cú pháp, có thể khái quát lại các đặc điểm nhận diện cơ bản của QHTPT trong hệ thống từ loại tiếng Việt như sau:

(1) QHTPT là một tiểu loại của QHT thuộc lớp hư từ tiếng Việt.

(2) Bản thân QHTPT thường không có ý nghĩa từ vựng mà chỉ có ý nghĩa ngữ pháp (trừ một số trường hợp QHTPT chưa hoàn tất quá trình ngữ pháp hóa). Đó là ý nghĩa diễn đạt quan hệ chính phụ giữa các đơn vị ngữ pháp mà nó tham gia kết nối.

(3) Về khả năng kết hợp, QHTPT thường không có khả năng đảm nhiệm vai trò thành tố chính hay thành tố phụ trong cụm từ chính phụ. Nó thực hiện chức năng kết nối các thành tố trong cụm chính phụ. Tuy nhiên, trong loại câu quan hệ tiếng Việt, QHTPT có thể đảm nhiệm thành tố chính trong cụm từ làm VN của câu.

(4) Về chức vụ cú pháp, QHTPT tiếng Việt cũng thường không có khả năng độc lập đảm nhiệm vai trò các thành phần chính và thành phần phụ trong câu. QHTPT chỉ có khả năng trong vai trò liên ngữ (một thành phần biệt lập). Riêng trong loại câu quan hệ tiếng Việt, QHTPT có thể đảm nhiệm thành phần VN của câu.

3. Xác lập hệ thống quan hệ từ phụ thuộc trong tiếng Việt

3.1. Cơ sở xác lập hệ thống quan hệ từ phụ thuộc trong tiếng Việt

Để xác lập được hệ thống QHTPT trong tiếng Việt, bài viết đã tập trung làm rõ, chỉ ra các đặc điểm nhận diện QHTPT dựa trên các tiêu chuẩn về ý nghĩa khái quát, khả năng kết hợp trong cụm từ, khả năng đảm nhiệm các chức vụ cú pháp trong câu. Đây chính là cơ sở để khảo sát, sắp xếp một từ vào hệ thống QHTPT tiếng Việt. Ngoài ra, chúng tôi tham khảo thêm kết quả thống kê, phân loại QHT, QHTPT trong các từ điển tiếng Việt, chuyên luận, giáo trình,... về ngữ pháp tiếng Việt, từ loại tiếng Việt, hư từ tiếng Việt nhằm đối chiếu với danh sách QHTPT mà chúng tôi xác lập được.

Trong nghiên cứu QHTPT tiếng Việt, có thể kể ra một số kết quả thống kê, phân loại QHT, QHTPT tiếng Việt tiêu biểu sau:

Tác giả Lê Biên (1998) liệt kê QHT tiếng Việt gồm các từ, như: *và, với, cùng, của, bằng, ở, tại, do, bởi, vì, thì, mà, tuy, nhưng, song, dù, mặc dầu, hay, hoặc, nếu, hễ, giá như, không những... mà còn, cho, tuy...nhưng...* [tr.161]. Như vậy, tác giả chưa phân biệt QHT thành những tiểu loại nhỏ hơn.

Tác giả Đinh Văn Đức (2015) nhận xét: “Thuộc về QHT tiếng Việt, xưa nay người ta thường nhắc tới các từ: *bằng, của, cho, để, vì, tại, bởi, do, thì, là, mà, tuy, dù, dầu, dẫn, hay, hoặc, nhưng, nếu, hễ,*

giá, ví, như,...” [tr.204]. Ngoài ra, tác giả đã đề cập đến tư cách QHTPT của các từ chỉ hướng (ra, vào, lên, xuống, đến, tới,...) và từ chỉ vị trí (trên, dưới, trong, ngoài, trước, sau, bên, cạnh, giữa,...).

Tác giả Diệp Quang Ban (2015) đã phân loại QHT tiếng Việt thành hai tiểu loại: QHTBĐ và QHTPT. Trong đó, QHTPT gồm các từ như: vì, do, bởi, tại, nên, cho nên, nếu, hễ, giá, nếu mà, nếu như, giá mà, giá như, miễn là, giả thử, giả sử, giả dụ, giá như, hễ, thì, là, để, để cho, tuy, mặc dầu, dù, thà, chứ, của, bằng, từ, đến, ở, trong, ngoài, trên, dưới, đối với, với, về, cho, mà,... [tr.339-342].

Ngoài ba tác giả nêu trên, còn một số tác giả khác cũng liệt kê một số QHT, QHTPT tiêu biểu trong tiếng Việt. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy không có sự khác biệt nhiều nên xin phép không trích dẫn thêm.

Trong cuốn *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên, 2004), chúng tôi thu thập được hơn 60 QHT (sách gọi là *kết từ*, kí hiệu là k), trong đó phần lớn là QHTPT. Ví dụ, trường hợp QHT với được giải thích như sau: “**với**2. k. 1. Từ biểu thị quan hệ liên hợp giữa hai sự vật, hiện tượng kết nối thành đôi, có chức năng giống nhau hay có những quan hệ qua lại chặt chẽ. *Tôi với anh cùng đi. Như hình với bóng* (...). 2 (dùng sau đg.). Từ biểu thị người sắp nêu ra là đối tượng cùng có chung hành động, trạng thái vừa nói đến. *Tôi sẽ đi với anh. Cãi nhau với bạn*. (...)”. Tuy nhiên, cuốn từ điển này chưa ghi nhận các từ chỉ vị trí, các từ chỉ hướng trong tiếng Việt có tư cách là QHT mà chỉ ghi nhận chúng là các danh từ, động từ.

Cuốn *Từ điển giải thích hư từ tiếng Việt* của tác giả Hoàng Trọng Phiến (2008) đã hệ thống hóa một cách tương đối các hư từ tiếng Việt tiêu biểu, kèm theo các ý nghĩa ngữ pháp và cách dùng chúng. Trong cuốn này, chúng tôi thống kê được 35 QHTPT (giới từ) theo quan điểm của tác giả, trong đó, các từ chỉ hướng, chỉ vị trí trong tiếng Việt được quan niệm là các QHTPT. Một số QHT khác như vì, do, bởi, tại, với, thì,... được tác giả phân biệt là liên từ.

Từ các kết quả thống kê, phân loại trên, chúng tôi thấy rằng có hai điểm chưa được thống nhất. Một là, các từ chỉ hướng, từ chỉ vị trí trong tiếng Việt có tư cách QHT (cụ thể là QHTPT) hay không? Hai là, các QHT vì, do, bởi, tại, cùng, nên, thì,... là QHTBĐ hay QHTPT? Trường hợp thứ nhất, chúng tôi nhất trí với tác giả Đinh Văn Đức, Hoàng Trọng Phiến xếp các từ chỉ vị trí, từ chỉ hướng vào danh sách QHTPT tiếng Việt khi chúng mang đầy đủ đặc điểm của tiểu loại này. Trường hợp thứ hai, chúng tôi cũng vẫn xếp vào hệ thống QHTPT tiếng Việt khi chúng đáp ứng các đặc điểm nhận diện của QHTPT.

3.2. Hệ thống quan hệ từ phụ thuộc trong tiếng Việt

Dựa vào các đặc điểm nhận diện QHTPT, chúng tôi đã tiến hành khảo sát, thu thập ngữ liệu và đã xác lập được hệ thống QHTPT trong tiếng Việt gồm 103 từ. Các QHTPT này đều là từ toàn dân và được sắp xếp theo trật tự bảng chữ cái ABC, QHTPT đơn xếp trước, QHTPT ghép xếp sau. Dưới đây là bảng hệ thống QHTPT trong tiếng Việt mà chúng tôi đã xác lập được:

Bảng tổng hợp Hệ thống QHTPT trong tiếng Việt

STT	QHTPT	Ngữ liệu minh họa
1.	bằng	Bằng cái sắc, bằng tiếng ca, bằng cái tiêu sáo, bằng cái duyên lúc kín đáo, lúc lộ liễu, ba người đàn bà đẹp ấy đã thừa tô điểm cho xứ Huế trong một thời. {23, tr.50}
2.	bên	Huê cũng trở dậy đến bên giúp Liên giờ các gói và để thức ăn ra ngoài. {16, tr.159}
3.	bởi	Ánh mắt nó dán chặt vào người tôi như thể một cây kim bị hút bởi nam châm. {9, tr.70}
4.	cạnh	Tôi lật đặt leo lên đứng cạnh Nhạn và hồi hộp nhong cổ nhìn vào nhà. {9, tr.85}
5.	chí	Từ già chí trẻ, ai ai cũng đều ra sức học tập. {7, tr.55}
6.	cho	Đường cái quan âm ướt đã tránh cho khách đi đường cái nạn bụi cát bay mù. {24, tr.9}
7.	của	Doanh nghiệp của tôi kinh doanh hàng may mặc, sản xuất đang chịu ảnh

STT	QHTPT	Ngữ liệu minh họa
		<i>hường của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. {26, tr.5}</i>
8.	cùng	<i>Chúng tôi mang sách ra cùng ngồi đọc ở ngoài vườn, tôi giảng cho Hậu nghe những chuyện đẹp để trong sách và thỉnh thoảng tôi thấy nàng có vẻ mơ màng. {16, tr.101}</i>
9.	dầu	<i>Dầu anh vẫn hết sức tần tiện, hai cái má ầu vẫn cứ lôi kéo đi mắt của anh hai món lệ làng hết đúng sáu đồng, và hai cổ quan tài hết gần tám đồng. {22, tr.45}</i>
10.	do	<i>Nét mặt thị cứ linh động dần dần do sự hiểu biết dần dần câu chuyện. {10, tr.296}</i>
11.	dù	<i>Dù ai nói ngả nói nghiêng, Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân. {ca dao}</i>
12.	dưới	<i>Dưới bóng trăng, những đả dài đường trông đẹp và lấp lánh sáng. {16, tr.20}</i>
13.	đặng	<i>Thi đua sản xuất đặng cho dân giàu nước mạnh. {7, tr.93}</i>
14.	để	<i>Chàng hút một điếu thuốc để quên sự chờ đợi. {24, tr.7}</i>
15.	đến	<i>Xuân bị lôi đến trước một ma nơ canh. {21, tr.52}</i>
16.	động	<i>Nó tẻ lắm kia bác ạ, động nói là nó giờ lý sự, mồm năm miệng mười không kịp cãi nó. {KN}</i>
17.	giá	<i>Giá nó không vì mẹ nó ốm, phải tiêu bất thường và vây quanh bạn hữu không được, thì chưa khi nào nó chịu nói với tôi. {14, tr.379}</i>
18.	giữa	<i>Mặt tái mét, Quý Anh bị xô đi đẩy lại, đứng vào giữa vòng tròn. {27, tr.6}</i>
19.	hể	<i>Hể ông Lý có về, bà nói dùm cho là có bọn Huân ở Kim Sơn ra thăm. {23, tr.76}</i>
20.	hết	<i>Về tính cách, Hoa giống hết mẹ cô. {KN}</i>
21.	khỏi	<i>Xe đi khỏi nhà máy nước thì gặp một người đội xếp Tây đi xe đạp lại, theo sau một người đội xếp ta. {16, tr.31}</i>
22.	là	<i>Hể tan tâm là đường bị tắc. {KN}</i>
23.	lên	<i>Vì thế, khi bước chân lên ô tô về nhà chồng, Dung không buồn bã khóc lóc gì cả. {16, tr.8}</i>
24.	lỡ	<i>Lỡ tôi đến muộn, các anh chị cứ bàn bạc trước đi nhé! {KN}</i>
25.	mà	<i>Con lấy chân mà đắp đi! {KN}</i>
26.	miễn	<i>Nào ai cần đâu tôi hát hay hát dở, đây lão ta chỉ bắt tôi mở miệng, rồi tôi kêu hay hát, hay quát tháo cũng được, miễn tiếng động ấy chứng tỏ trong hang có chủ. {13, tr.60}</i>
27.	nên	<i>Vì chúng tôi đã lâu mới gặp nhau, nên bao nhiêu chuyện để trong bụng bấy nay, tôi lôi hết ra để nói. {14, tr.145}</i>
28.	nếu	<i>- Nếu đích là nội công thì mới thật là giỏi chứ nếu quý thuật là có khỏe riêng rồi, là không giỏi... {20, tr.38}</i>
29.	ngộ	<i>Ngộ không có tôi thương lượng, cụ lại trượt khóa nữa, có phải cụ mất cả chì lẫn chài không? {20, tr.213}</i>
30.	ngoài	<i>Cơn gió thoảng từ ngoài khe suối thổi vào cộng với tiếng chim sâu lách chích bên tai cứ khiến mắt tôi díp lại, không làm sao cưỡng nổi. {9, tr.8}</i>
31.	nhằm	<i>Chúng ta góp ý cho nhau nhằm giúp nhau tiến bộ. {7, tr.183}</i>
32.	nhờ	<i>Nhờ có con đường xe hỏa đi qua, và một con sông nhỏ, nhánh của sông Nhị hà, nên sự buôn bán đâm ra thịnh vượng. {16, tr.48}</i>
33.	nhỡ	<i>Con đặt báo thức đi, nhỡ mai lại ngủ quên. {KN}</i>
34.	như	<i>Thân em như tấm lụa đào,</i>

STT	QHTPT	Ngữ liệu minh họa
		<i>Phát phor giữa chợ biết vào tay ai. {ca dao}</i>
35.	nhưng	<i>Chị Dậu tuy vẫn ngồi im không nói, nhưng ở khóe mắt, nước mắt lại cứ chan chứa chảy ra. {22, tr.47}</i>
36.	ở	<i>Xuân ngồi xuống một cái ghế sắt bọc vải ở gần cửa. {21, tr.42}</i>
37.	qua	<i>Qua giậu thưa, thấp thoáng những người đi chợ sớm, tiếng cười nói vang lั่น với tiếng đồn gánh kều kịt vì những bì gạo nặng. {16, tr.58}</i>
38.	quanh	<i>Ai ới lên cần công việc gì lập tức từng đàn, từng đàn lóc nhóc chạy theo bầu quanh người ấy nhao nhao giành nhau. {18, tr.19}</i>
39.	ra	<i>Tuyết trở tay ra mặt hồ Trúc Bạch cắt nghĩa:... {21, tr.92}</i>
40.	rằng	<i>Sau cuộc họp, chúng tôi thấy rằng tập thể cần phải rút kinh nghiệm sâu sắc. {KN}</i>
41.	sang	<i>Đến cửa buồng số 12, Liên chuyển những đồ lễ sang bên trái, cúi nằm xuống để giữ cho chặt, còn tay phải vận quả nẩy. {16, tr.126}</i>
42.	sau	<i>Nhà di Sáu ở cuối con ngõ, nằm sau một khúc ngoặt chạy quanh ao rau muống của ông Hai Đóm. {9, tr.7}</i>
43.	tại	<i>Nhưng lần này tao sẽ nói! Tại bữa đó đến nay tao... đâu có gặp lại nhỏ Út Thêm! {9, tr.127}</i>
44.	tận	<i>Ở tận sông Hồng em có biết, quê hương anh cũng có dòng sông... {Trương Quang Lục}</i>
45.	theo	<i>Nàng ẵm con ra tiễn Tâm ngoài ga, rồi để Tâm một mình bước lên xe hỏa, mang theo đi cái hi vọng cuối cùng của đời nàng. {16, tr.64}</i>
46.	thì	<i>Hễ thấy tàu đến thì đánh chuông anh nhé. {27, tr.14}</i>
47.	tới	<i>Hai chúng tôi cầm đầu rào bước mau chỉ mong chóng về tới nhà. {16, tr.65}</i>
48.	trên	<i>Ông thầy bỏ nhòai trên chiếu, trước khi viết lên giấy còn lẩm nhẩm đọc trong mồm và bắm trên ngón tay. {22, tr.8}</i>
49.	trong	<i>Trong vườn hoa thì nào là sân quần, sân ping poong, bể bơi... {21, tr.44}</i>
50.	trước	<i>Trước mặt Xuân Tóc Đỏ, lúc ấy hiện ra ông phán mọc sừng, cùng đi với một người đàn bà. {21, tr.116}</i>
51.	từ	<i>Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. {16, tr.17}</i>
52.	tựa	<i>Mắt anh sâu tựa biển, Nhưng chẳng bao giờ vì em mà xanh! {KN}</i>
53.	tuy	<i>Chồng chị - anh Nguyễn Văn Dậu - tuy mới hai mươi sáu tuổi nhưng đã học nghề làm ruộng đến mười bảy năm. {22, tr.44}</i>
54.	vào	<i>Bà Phó thỉnh thoảng lại vỗ vào bụng, vào đùi, bì bạch. {21, tr.36}</i>
55.	về	<i>Thưa bà, những nguyên tắc về y phục đã thay đổi. {21, tr.46}</i>
56.	vì	<i>Ánh sáng của nó càng lúc càng bị co hẹp, vì bóng đêm từ những ngọn núi vây quanh thị trấn tỏa ra mỗi lúc một dày đặc. {11, tr.13}</i>
57.	với	<i>Với một giọng vừa kêu vừa trong, Ngọc Mai đọc rất dễ dãi, gãy gọn, từ đoạn nọ đến đoạn kia, mạch lạc cực kỳ phân minh. {KN}</i>
58.	xuống	<i>Chú Hai tôi phóng vù xuống mép sông, phồng mồm nhai miếng bánh, lưng rùng máu vì máu đòn gánh bổ dọc. {27, tr.12}</i>
59.	bên cạnh	<i>Trên đường về, tôi lăm lăm đi bên cạnh Nhạn, không nói một câu. {9, tr.71}</i>
60.	bởi chúng	<i>Bởi chúng bác mẹ tôi nghèo, Cho nên tôi phải bầm bèo, thái khoai. {Ca dao}</i>

STT	QHTPT	Ngữ liệu minh họa
61.	bởi do	<i>Bởi do</i> tôi bận nên tôi đã lỡ hẹn với anh. {KN}
62.	bởi tại	Mấy tháng này khó dễ là bởi tại đâu chứ nào phải tại tao mà mày gieo cho nhiều điều tiếng thế? {15, tr.91}
63.	bởi vì	Không nể tể gì cả. Bởi vì ông yên trí là hạng này chỉ là những vật cho ông tiêu khiển khi vắng vợ. {14, tr.381}
64.	cho dù	Cho dù mưa giông, cho dù nắng cháy, anh vẫn chờ. {Hoài An}
65.	cho nên	Ngày xưa, vì lối đi chưa được tiện lợi và nhanh chóng, cho nên nhà vua lập ra hai trường thi, trường Hà Nội và trường Nam Định, để học trò dễ sự thi cử. {14, tr.8}
66.	cốt để	Dù bố vợ anh có bắt vợ anh về thực, thì chẳng qua như cái lối chủ nợ bắt đồ, cốt để làm oai, khiến anh phải lo cho kịp. {14, tr.98}
67.	cùng với	Họ yên lặng nghe, cảm dỗ bởi tiếng nhạc êm dịu ấy, cùng với buổi chiều man mác của đồng quê, thấm thía vào tâm hồn họ. {16, tr.33}
68.	để cho	Các anh hiểu cho, mấy chục năm qua tôi chiến đấu cũng để cho con cháu mình nên người. {18, tr.9}
69.	để mà	Kẻ nào cũng phải giết, kẻ nào cũng đã giết: nó giết để mà sống và nó giết để mà giết. {20; tr.71}
70.	đối với	Đối với mẹ nó, nó vẫn có lý và vẫn rất đáng thương. {22, tr.80}
71.	giá mà	" Giá mà có từng ấy tiền thì mua được khẩu pháo học". {12, tr.105}
72.	giá như	Giá như con nhà khác thì lêu lổng và hông từ bao giờ rồi còn gì. {12, tr.60}
73.	giả sử	Giả sử bạn là cô ấy, bạn sẽ cảm thấy thế nào? {KN}
74.	giả thử	Giả thử không có cách mạng tháng Tám, dân ta sẽ đi đâu về đâu. {7, tr.112}
75.	hễ mà	Hễ mà mưa là đường lại lầy lội. {KN}
76.	hết như	Nó chỉ huy tác chiến hết như một viên tướng dày dạn trận mạc. {9, tr.38}
77.	lỡ mà	Cứ gọi taxi mà đi. Lỡ mà mưa thì cũng không sợ ướt. {KN}
78.	lỡ như	Cứ gọi điện cho nó một tiếng, lỡ như nó quên thì sao? {KN}
79.	mà bởi	Mình đã chung đụng với Nguyễn không vì tình yêu mà bởi thói quen. {15, tr.30}
80.	mà do	Có thể nói những tác phẩm đáng lưu ý của Nguyễn Minh Châu sau 1975 chính ra phải là Khách ở quê ra, Cỏ lau, và cũng nên kể cả Chợ Tết mà do sự xuất hiện lẻ loi, lại chỉ có một số phận rất bạc bẽo. {KN}
81.	mà để	Nhưng thế không phải để nhai, mà để run. {14, tr.384}
82.	mà giá	Mà giá cụ làm ơn thả ngay tiểu thư nhà cụ ra cửa hàng cho tôi được ngắm, thì dù cụ cưa nặng mấy, tôi cũng phải cố nhắm mắt, nhắm mũi mà thọc tiết ví. {14, tr.149}
83.	mà hễ	... Mà hễ một bước, thì lại bị gọi: - Thanh! Phải đưa cho tao! {14, tr.177}
84.	mà là	Nghĩ vậy, nhưng cô cứ đi. Không phải đi cho nó thỏa dục vọng, mà là để mắng nó là đồ xỏ lá, đồ khôn nặn,... {14, tr.178}
85.	mà nếu	Mà nếu các cô thấy được bình yên, hẳn các cô cảm tôi đến chết mất! {14, tr.49}
86.	mà tại	Việc đã xảy ra không phải tại một cá nhân mà tại cả tập thể. {KN}
87.	mà vì	Tôi buôn bán không phải vì tiền mà vì điều thiện, vì quan hệ với con người. {KN}
88.	mặc dầu	Mặc dầu đường xá xa xôi, anh vẫn không quản ngại để đến thăm chúng

STT	QHTPT	Ngữ liệu minh họa
		<i>tôi. {KN}</i>
89.	mặc dù	<i>Mặc dù tôi đã khuyên như đủ đường, cô ấy vẫn nhất quyết bỏ đi. {KN}</i>
90.	miễn là	<i>Y biết rằng Thai túng, nghĩa là cái môi còn còn có thể giằng ra được. Miễn là phải khéo. {9, tr.171}</i>
91.	nếu mà	<i>Nếu mà em không đến thì anh sẽ rất buồn. {KN}</i>
92.	nếu như	<i>Bây giờ, nếu như có nhiều tiền, tôi sẽ xây một ngôi nhà thật đẹp. {KN}</i>
93.	ngộ nhỡ	<i>Ngộ nhỡ cô ta kiếm được nhà khác thuận lợi hơn thì sao? {18, tr.150}</i>
94.	nhỡ mà	<i>Cứ mang kính theo, nhỡ mà trời nắng to. {KN}</i>
95.	nhưng mà	<i>Nhưng mà em còn đôi vàng cả mắt, không nhặt được nữa...! {22, tr.47}</i>
96.	sở dĩ	<i>Sở dĩ anh phải quay đầu về với ông nghị, vì xong vụ thuế, vợ chồng anh không còn kế gì sinh nhai. {157, tr.173}</i>
97.	tại vì	<i>- Tại vì sao? - Tại vì... tôi cũng nghĩ hai chuyện đó đâu có liên quan gì với nhau. {9, tr.136}</i>
98.	vì bởi	<i>Họ lặng yên, vì bởi ghét Tiến nên cứ mặc kệ. {16, 213}</i>
99.	vì hễ	<i>Nó không thích hẳn. Vì hễ nhắc đến hẳn là nó lảng đi chuyện khác. {KN}</i>
100.	vì nếu	<i>Nhưng tôi cũng phải cẩn thận mới được, vì nếu để họ biết thì nguy. {20, tr.83}</i>
101.	vì nhờ	<i>Là vì nhờ đó, tôi đã được đi một châu hát che tan ba chục bạc. {20, tr.201}</i>
102.	vì tại	<i>Cậu bé đã có những triệu chứng về cái tuổi dậy thì vì tại ăn ngon, mặc đẹp lắm, vật chất đầy đủ quá, ... {21, tr.166}</i>
103.	ví như	<i>Ví như anh đến thì mọi chuyện đã được giải quyết rồi không! {KN}</i>

4. Kết luận

Bài viết đã làm sáng rõ các tiêu chí nhận diện QHTPT trong tiếng Việt và xác lập được hệ thống QHTPT trong tiếng Việt gồm 103 từ. Thiết nghĩ, kết quả nghiên cứu của bài viết sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích, giúp cho người học (học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh) và giáo viên dạy học ngôn ngữ, các nhà biên soạn từ điển có thể nhận diện dễ dàng hơn về QHTPT trong tương quan với các từ loại khác của tiếng Việt và nhận biết được số lượng QHTPT trong tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Lan Anh (2014), *Câu quan hệ tiếng Việt dưới góc nhìn của ngữ pháp chức năng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Diệp Quang Ban (2009), *Ngữ pháp tiếng Việt phần câu*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Diệp Quang Ban (2015), *Ngữ pháp Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Lê Biên (1998), *Từ loại tiếng Việt hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Đinh Văn Đức (2015), *Ngữ pháp tiếng Việt từ loại I & II*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
6. Hoàng Phê (chủ biên; 2004), *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
7. Hoàng Trọng Phiến (2008), *Từ điển giải thích hư từ tiếng Việt*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
8. Bùi Minh Toán (chủ biên) (2017), *Hư từ tiếng Việt trên các bình diện ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

*Kí hiệu: {}

1. Nguyễn Nhật Ánh (2008), *Hạ đổ*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
2. Nam Cao (2003), *Tuyển tập Nam Cao*, Nxb Văn học, Hà Nội.
3. Hoài Thanh, Hoài Chân (2016), *Thi nhân Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.

4. Ma Văn Kháng (2005), *Đồng bạc trắng hoa xòe (tiểu thuyết)*, Nxb Văn học, Hà Nội.
5. Tô Hoài (2013), *Dế mèn phiêu lưu kí*, Nxb Văn học, Hà Nội.
6. Nguyễn Công Hoan (2014), *Truyện ngắn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
7. Dương Thu Hương (2006), *Bên kia bờ ảo vọng (tiểu thuyết)*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
8. Thạch Lam (2006), *Tuyển tập truyện ngắn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
9. Kim Lân (2016), *Vợ nhặt*, Nxb Văn học, Hà Nội.
10. Lê Lựu (2008), *Thời xa vắng (tiểu thuyết)*, Nxb Văn học, Hà Nội.
11. Lê Lựu (2015), *Đại tá không biết đùa (tiểu thuyết)*, Nxb thời đại, Hà Nội.
12. Vũ Trọng Phụng (2015), *Tuyển tập truyện ngắn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
13. Vũ Trọng Phụng (2004), *Số đỏ*, Nxb Văn học, Hà Nội.
14. Ngô Tất Tố (2015), *Tắt đèn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
15. Nguyễn Tuân (2011), *Vang bóng một thời*, Nxb Văn học, Hà Nội.
16. Nguyễn Tuân (2012), *Tuyển tập Nguyễn Tuân*, Nxb Văn học, Hà Nội.
17. Nguyễn Ngọc Tư (2005), *Cánh đồng bất tận*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh
18. Nhiều tác giả, Ma Văn Kháng tuyển chọn (2016), *Tuyển chọn truyện ngắn đặc sắc*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
19. Văn học Việt Nam sau cách mạng tháng tám (1992), *Truyện ngắn, tập 1*, Nxb Văn học, Hà Nội.

Identify characteristics and installation system of dependent relational word in Vietnamese

Abstract: Discussing identifying characteristics and establishing a system of dependent relational word in Vietnamese, the article has focused on clarifying the identifying characteristics of Vietnamese dependent relational word on three criteria: general meaning, the ability to combine in phrases and the ability to take on syntactic positions in sentences. From there, four basic characteristics of the dependent relational word in Vietnamese are given. On that basis, the article has established a system of dependent relational words in Vietnamese consisting of 103 words with illustrative examples. The research results of the article are a useful reference source for teachers and learners when studying Vietnamese word relationships in general and dependent word relationships in particular. The research results also provide materials for the compilation of Vietnamese dictionaries.

Key words: dependent relational words; identify characteristics; system; general meaning; the ability to combine.